TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:101/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 5 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thu Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 58/2025/QĐ - PT ngày 28/4/2025 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 25/10/2004 (Có đơn xin xử vắng mặt).
Nơi ĐKHKTT: phường C, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: phường S, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện theo uỷ quyền của chị N: Chi nhánh Công ty Luật TNHH An Dân tại Sầm Sơn, Thanh Hoá.

+ Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty Luật TNHH An Dân tại Sầm Sơn, Thanh Hoá: Ông Hoàng Văn Loan - Trưởng chi nhánh.
Địa chỉ: Số 187 đường Lê Lợi, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Anh Đinh Văn D, sinh ngày 03/6/1999 (Vắng mặt).
Địa chỉ: phường C, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 27/10/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau và thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 4 năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân với nhau, chị N mang theo con về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Khi vợ chồng ly thân, chị N mang con về nhà mẹ đẻ ở thì đến tháng 3 năm 2024 anh D đi lao động tại Nhật Bản và vợ chồng cũng không quan tâm đến nhau, từ khi anh D đi Nhật Bản đến nay cũng chưa về Việt Nam. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Đinh Văn D.

- Về con chung: Chị và anh Đinh Văn D có 01 con chung là cháu Đinh Khánh L, sinh ngày 24/5/2022. Hiện nay cháu đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu L và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Đinh Văn D không có mặt tại Việt Nam, và không có địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản.

* Tại Biên bản lấy lời khai các ngày 03/4/2025 và ngày 05/5/2025 bà Trần Thị N1 là mẹ đẻ của anh Đinh Văn D trình bày:

- Bà là mẹ đẻ của anh Đinh Văn D. Anh D và chị N kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa năm 2022. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng gia đình bà, vợ chồng sống hòa thuận, cũng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến đầu năm 2023 thì hai vợ chồng cãi nhau, sau đó chị N mang con về nhà mẹ đẻ ở, anh D cũng nhiều lần xuống gặp để nói chị N quay về đoàn tụ, nhưng chị N vẫn không về. Tháng 3 năm 2024 anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó đến nay chưa về Việt Nam. Hiện nay anh D đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản; gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Dương tại Nhật Bản, thỉnh thoảng anh D vẫn liên lạc về cho gia đình qua mạng xã hội, điện thoại.

- Về con chung: Anh D và chị N có 01 con chung là cháu Đinh Khánh L, sinh ngày 24/5/2022. Hiện nay cháu L đang ở với chị N.

- Về tài sản chung: Anh D và chị N không có tài sản chung gì.

Việc ly hôn là do anh chị quyết định, gia đình không có ý kiến gì. Bà Trần Thị N1 đồng ý nhận giấy tờ, văn bản, các quyết định tố tụng của Tòa án thay cho anh D, và cam kết sẽ thông báo đầy đủ thông tin cho anh D. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xử vắng mặt, anh Đinh Văn D đã được Toà án tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử vắng mặt chị N và anh D theo thủ tục chung.

* Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đinh Văn D. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn D có 01 con chung là cháu Đinh Khánh L, sinh ngày 24/5/2022. Giao cháu Đinh Khánh L cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Đinh Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Về tài sản và công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Đinh Văn D hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị Nguyễn Thị N cung cấp địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh D ở Việt Nam, địa chỉ: phường C, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; không cung cấp được địa chỉ của anh D ở tại Nhật Bản. Gia đình anh D thường xuyên liên lạc bằng mạng xã hội, điện thoại với anh D, nhưng không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc, sinh sống của anh D tại Nhật Bản.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định tố tụng cho anh D thông qua bà Trần Thị N1 là mẹ đẻ của anh Đinh Văn D, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường C, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là nơi gia đình anh D đang sinh sống; gia đình anh D đồng ý nhận văn bản, quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và cam kết thông báo đầy đủ thông tin cho anh D bằng điện thoại, nhưng anh D không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi ý kiến cho Tòa án.

Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đinh Văn D đã được Toà án tống đạt hợp lệ lần thứ 2 các văn bản tố tụng nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện,có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 27/10/2022 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau và thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 4 năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân với nhau, chị N mang theo con về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Khi vợ chồng ly thân, chị N mang con về nhà mẹ đẻ ở thì đến tháng 3 năm 2024 anh D đi lao động tại Nhật Bản và vợ chồng cũng không quan tâm đến nhau, từ khi anh D đi Nhật Bản đến nay cũng chưa về Việt Nam. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin ly hôn với anh D. HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn D có 01 con chung là cháu Đinh Khánh L, sinh ngày 24/5/2022. Hiện nay cháu L đang ở với chị N. Ly hôn, chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu L và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy rằng: Hiện nay anh D đang làm việc và sinh sống ở Nhật Bản, chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu L là con gái lại đang dưới 36 tháng tuổi. Do đó giao cháu Đinh Khánh L cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh Đinh Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N .

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đinh Văn D.
- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn Dcó 01 con chung là cháu Đinh Khánh L, sinh ngày 24/5/2022.

Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Khánh L. Anh Đinh Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh Đinh Văn Dg có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0000832 ngày 12/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Đinh Văn Dcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Cục THADS tỉnh Thanh Hoá;*
- *UBND phường C, TP Sầm Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy